

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250	-	34.406.131.250	-
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785	-	12.095.878.785	-
Công ty CP Đầu Tư Xây lắp Dầu Khí Số 1	7.649.662.950	-	7.163.233.650	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498	-	6.048.450.498	-
Công ty CP ĐT Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.797.481.588	-	4.069.236.874	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736	-	4.211.247.736	-
BĐHDA Thủy điện Hủa Na	3.353.596.089	-	3.360.596.089	-
Phải trả nhà cung cấp khác	62.808.845.694	-	72.932.706.409	-
Cộng	135.371.294.590	-	144.287.481.291	-
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty CP Thiết bị Phụ tùng	34.406.131.250	-	34.406.131.250	-
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	12.095.878.785	-	12.095.878.785	-
Công ty CP Đầu Tư Xây lắp Dầu Khí Số 1	7.649.662.950	-	6.048.450.498	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng E CON	6.048.450.498	-	4.211.247.736	-
Công ty CP ĐT Xây dựng Bạch Đằng TMC	4.797.481.588	-	5.755.894.698	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền trung	4.211.247.736	-	4.069.236.874	-
BĐHDA Thủy điện Hủa Na	3.353.596.089	-	3.360.596.089	-
Phải trả nhà cung cấp khác	62.808.845.694	-	31.016.386.652	-
Cộng	135.371.294.590	-	100.963.822.582	-

(*) Tình hình tài chính của Công ty đang gặp khó khăn, không phát sinh doanh thu, lỗ lũy kế lớn và âm vốn điều lệ. Do đó, Công ty không thể đánh giá được khả năng thanh toán các khoản nợ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp, giảm trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.965.882.045	238.875.357	1.331.408.489	5.058.415.177
Thuế thu nhập doanh nghiệp	124.603.770	-	191.683.065	316.286.835
Thuế thu nhập cá nhân	227.542.142	54.785.700	7.031.484	179.787.926
Thuế tài nguyên	49.500			49.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.363.675.900	815.545.900	-	2.548.130.000
Thuế bảo vệ môi trường	13.000.000	-	8.141.000	21.141.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.739.258.848	509.069.520	704.962.122	9.935.151.450
Cộng	17.434.012.205	1.618.276.477	2.243.226.160	18.058.961.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	47.884.299.748	47.884.299.748
Công ty CP Xi măng Sông Lam 2	36.414.704.400	36.414.704.400
Trường ĐH Vinh	3.113.866.000	3.113.866.000
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí NA	2.950.000.000	2.950.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	44.436.747.297	47.464.324.724
Cộng	134.799.617.445	137.827.194.872

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	6.277.673.317	6.277.673.317
Chi phí lãi vay	19.965.944.614	24.055.150.647
Cộng	26.243.617.931	30.332.823.964

16. Phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	129.782.947	391.638.846
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	670.527.281	12.124.647.391
Các khoản phải trả, phải nộp khác	109.055.775.574	91.290.972.087
- Phải trả về mua cổ phần	25.489.983.519	23.665.992.000
- Phải trả các khoản chi hộ	57.174.049.059	56.738.620.960
- Các khoản phải trả khác	26.391.742.996	10.886.359.127
Cộng	109.856.085.802	103.807.258.324
b. Dài hạn		
Phải trả về mua cổ phần	142.186.503.965	143.933.320.410
IDICO Long Sơn	6.145.108.000	5.919.758.444
Kinh phí đào tạo	5.950.696.918	5.950.696.918
Phải trả dài hạn khác	632.996.470	632.996.470
Cộng	154.915.305.353	156.436.772.242
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Phải trả các khoản chi hộ	52.063.942.111	52.063.942.111
Các khoản phải trả khác	-1.898.342.097	1.898.342.097
Cộng	53.962.284.208	53.962.284.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Vinh	-	-	-	3.647.073.924	3.647.073.924	3.647.073.924
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Nghệ An	9.266.784.613	9.266.784.613	-	-	9.266.784.613	9.266.784.613
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	22.172.939.779	22.172.939.779	-	450.699.110	22.623.638.889	22.623.638.889
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - chi nhánh Thanh Hóa	2.939.354.716	2.939.354.716	-	-	2.939.354.716	2.939.354.716
Vay cá nhân	26.900.187.789	26.900.187.789	6.416.601.697	19.517.434.451	40.001.020.543	40.001.020.543
Cộng	61.279.266.897	61.279.266.897	6.416.601.697	23.615.207.485	78.477.872.685	78.477.872.685

18. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(250.197.223.796)	2.471.340.480	(431.248.347)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(28.629.601.140)	-	(28.629.601.140)
Số dư tại ngày 31/12/2016	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(278.826.824.936)	2.471.340.480	(29.060.849.487)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.559.175.242	-	1.559.175.242
Thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	22.143.711	(1.139.143.711)	(1.117.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	218.460.000.000	5.000.000.000	380.952.382	23.453.682.587	(277.245.505.983)	1.332.196.769	(28.618.674.245)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Tòa nhà Dầu khí, số 07 Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An. Đồng thời, Công ty có các công ty con đặt trụ sở tại Nghệ An và Hà Tĩnh. Tuy nhiên, doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ phát sinh tại Hà Tĩnh không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận bất động sản, Bộ phận xây lắp và bộ phận bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận bất động sản: bán căn hộ ở chung cư cao tầng và nhà ở liền kề;
Bộ phận xây dựng: xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
Bộ phận khác là hoạt động cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	3.820.741.764	186.858.785.049	42.071.692.283	(6.082.589.799)	226.668.629.297
Tài sản không phân bổ					426.988.250.007
Tổng tài sản hợp nhất	3.820.741.764	186.858.785.049	42.071.692.283	(6.082.589.799)	653.656.879.304
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	301.358.108.231	11.132.763.746	(10.227.000.934)	302.263.871.043
Nợ phải trả không phân bổ					380.011.682.506
Tổng nợ phải trả	-	301.358.108.231	11.132.763.746	(10.227.000.934)	682.275.553.549

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2017

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	4.663.001.788	282.019.576.400	41.086.035.822	(8.811.982.401)	318.956.631.609
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	364.633.906.583
Tổng tài sản hợp nhất	4.663.001.788	282.019.576.400	41.086.035.822	(85.923.766.216)	683.590.538.192
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	-	317.696.605.816	9.889.601.204	(13.079.422.862)	314.506.784.158
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	398.144.603.521
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	317.696.605.816	9.889.601.204	(13.079.422.862)	712.651.387.679

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	975.168.901	936.893.090	-	1.912.061.991
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
Tổng doanh thu	-	975.168.901	936.893.090	-	1.912.061.991
Chi phí phân bổ	-		479.772.551		479.772.551
Kết quả hoạt động kinh doanh					-
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	975.168.901	457.120.539	-	1.432.289.440
Chi phí không phân bổ					5.631.977.063
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(4.199.687.623)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					6.596.776.648
Lỗ khác					64.780.829
Chi phí tài chính					902.694.612
Lợi nhuận trước thuế					1.559.175.242
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lãi trong năm					1.559.175.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Hoạt động Bất động sản VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	-	2.380.608.527	-	2.380.608.527
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
Tổng doanh thu	-	-	2.380.608.527	-	2.380.608.527
Chi phí phân bổ	-	-	830.007.670	-	830.007.670
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-	1.550.600.857	-	1.550.600.857
Chi phí không phân bổ					27.360.835.540
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(25.810.234.683)
Doanh thu từ các khoản đầu tư					1.312.244
Lãi khác					(1.596.847.617)
Chi phí tài chính					1.223.831.084
Lợi nhuận trước thuế					(28.629.601.140)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lãi trong năm					(28.629.601.140)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.912.061.991	2.380.608.527
Trong đó:		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	975.168.901	-
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	936.893.090	2.380.608.527
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.912.061.991	2.380.608.527

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	479.772.551	830.007.670
Cộng	479.772.551	830.007.670

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.501.776.648	1.312.244
Lãi bán cổ phần	4.095.000.000	
Cộng	6.596.776.648	1.312.244

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	902.694.612	1.223.831.084
Cộng	902.694.612	1.223.831.084

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.062.412.651	2.379.780.820
Khấu hao tài sản cố định	474.347.683	2.713.867.532
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Phân bổ lợi thế thương mại	2.362.899.147	2.362.899.147
Chi phí dự phòng	-	18.208.421.301
Dịch vụ mua ngoài	137.461.366	647.594.757
Chi phí bằng tiền khác	589.856.216	1.043.271.983
Cộng	5.631.977.063	27.360.835.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.559.175.242	(28.629.601.140)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.559.175.242	(28.629.601.140)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	21.846.000	21.846.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	(1.311)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân công	2.062.412.651	2.379.780.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.997.456.491	2.365.605.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.461.366	2.237.615.853
Chi phí khác bằng tiền	589.856.216	2.696.533.539
Cộng	4.787.186.724	9.679.536.188

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch với các công ty liên kết.

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương và Thù lao Hội đồng quản trị	229.897.778	482.824.277
Cộng	229.897.778	482.824.277

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Điều chỉnh hồi tố

Căn cứ Biên bản làm việc giữa Công ty với Cơ quan điều tra - Bộ Công An (C46) ngày 20 tháng 07 năm 2017, Cơ quan điều tra đã yêu cầu loại trừ doanh thu từ công trình hạ tầng khu công nghiệp Hoàng Mai và trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty con. Ngày 21 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết số 24/NQ-PVNC yêu cầu các phòng ban thực hiện loại trừ doanh thu từ công trình hạ tầng khu công nghiệp Hoàng Mai và trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty con. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016, cụ thể như sau:

Khoản mục báo cáo	Ảnh hưởng của sai sót đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác giảm	65.542.175.250
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay giảm	65.542.175.250

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 trước và sau điều chỉnh thay đổi các chỉ tiêu sau:

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2016 trước điều chỉnh	31/12/2016 sau điều chỉnh
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	519.864.247.047	454.322.071.797
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	434.253.401.037	368.711.225.787
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	324.868.888.357	259.326.713.107
NGUỒN VỐN			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	50.615.297.611	(14.926.877.639)
I. Vốn chủ sở hữu	410	50.615.297.611	(14.926.877.639)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(196.679.337.358)	(262.221.512.608)


4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.


Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phúc
Kế toán trưởng




Nguyễn Ngọc Băng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2018